GOSHU KOHSAN (VIETNAM) CO., LTD.
VILAS 361- VIMCERTS 124

Plot P1, Thang Long Industrial Park,
Dong Anh District, Hanoi, Vietnam.
TEL : 84.24.39517580 FAX : 84.24.39517581

Khách hàng/ ***Messrs.*** **:** PARKER Processing
Dự án/ ***Project*** : Parker-23.04.05
Mã số dự án/ Job No : WP1H-2304006
Ngày lấy mẫu/ ***Sampling Date*** : 05/04/2023
Ngày nhận mẫu/ ***Receiving Date*** : 05/04/2023
Người lấy mẫu/ ***Sampling by*** : Hoàng Văn Thắng
Ngày phân tích/ ***Testing Date*** : 05 - 14/04/2023

Số phiếu yêu cầu/ ***Requesting No.*** : 23-LW-04570
Ngày làm báo cáo/ ***Reporting Date*** : 17/04/2023
Đặc tính mẫu/*Characteristic of Sample*:
1. Dung dịch có cặn lơ lửng nhẹ/ Slightly suspended solution

BÁO CÁO PHÂN TÍCH NƯỚC THẢI/ *WASTE WATER ANALYSIS REPORT*

TT/ *No.*	Thông số/ *Item*	Đơn vị/ *Unit*	Phương pháp/ *Method*	Kết quả/ *Result*					Tiêu chuẩn/ *Standard*
				(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	
				Nước thải đầu ra					TLIP I
1	Nhiệt độ/ Temperature*	°C	SMEWW 2550 B: 2017	29.4					40
2	Màu/ Color at pH=7	Pt-Co	SMEWW 2120 C : 2017	2					100
3	pH/pH*	-	TCVN 6492 : 2011	7.3					6 ÷ 9
4	Chất rắn lơ lửng/ SS	mg/L	SMEWW 2540 D: 2017	<5					200
5	BOD_5/BOD_5	mg/L	SMEWW 5210 B : 2017	1.7					240
6	COD/ COD (Cr)	mg/L	SMEWW 5220 B: 2017	13					350
7	Asen/ Arsenic	mg/L As	ASTM D 2972-15-B	<0.001					0.0405
8	Cadimi/ Cadmium	mg/L Cd	SMEWW 3113 B: 2017	<0.001					0.0405
9	Thủy ngân/ Mercury	mg/L Hg	SMEWW 3112 B: 2017	<0.001					0.00405
10	Chì/ Lead	mg/L Pb	SMEWW 3113 B: 2017	<0.001					0.081
11	Clorua/Chloride	mg/L Cl^-	SMEWW 4500 Cl^- B: 2017	122					405
12	Crom (VI)/ Chromium (VI)	mg/L Cr	SMEWW 3500 Cr B: 2017	<0.003					0.0405
13	Crom (III)/ Chromium (III)	mg/L Cr	SMEWW 3113 B,3500 Cr B:2017	<0.003					0.162
14	Đồng/ Copper	mg/L Cu	SMEWW 3111 B: 2017	<0.03					1.62
15	Kẽm/ Zinc	mg/L Zn	SMEWW 3111 B: 2017	0.05					2.43
16	Niken/ Nickel	mg/L Ni	SMEWW 3113 B: 2017	<0.001					0.162
17	Mangan/ Manganese	mg/L Mn	SMEWW 3111 B: 2017	0.05					0.405
18	Sắt/ Iron	mg/L Fe	SMEWW 3111 B: 2017	0.06					0.81
19	Tổng xianua/ Cyanide	mg/L	SMEWW 4500 CN^- C, E:2017	<0.005					0.0567
20	Tổng phenol/ Phenols	mg/L	SMEWW 5530 C: 2017	<0.005					0.081
21	Tổng dầu mỡ khoáng/ Oil and grease (Mineral)	mg/L	SMEWW 5520 B&F: 2017	<2.0					4.5
22	Sunfua/ Sulfide	mg/L S^{2-}	SMEWW 4500 S^{2-} B&D: 2017	<0.1					0.18
23	*Tổng HCBVTV clo hữu cơ/ Pesticide (Organic chlorine group)*	mg/L	US EPA Method (3510C + 3620C + 8270D)	<0.0005					0.0405
24	Florua/ Flouride	mg/L F^-	SMEWW 4500 F^- C:2017	0.87					4.05
25	Amoni/ Ammonia nitrogen	mg/L N	SMEWW 4500 NH_3 C: 2017	<1.0					10.42
26	Tổng nitơ/ Total nitrogen	mg/L N	TCVN 6638: 2000	23					40
27	Tổng phốt pho/ Total phosphorous	mg/L P	SMEWW 4500 P B + D: 2017	<0.25					5
28	Clo dư/ Residual chlorine	mg/L Cl_2	SMEWW 4500 Cl G : 2017	<0.10					0.81
29	*Tổng HCBVTV phốt pho hữu cơ/ Pesticide (Organic phosphorus group)*	mg/L	US EPA Method (3510C + 3620C + 8270E)	<0.001					0.243
30	*Tổng PCB/ Total PCB*	mg/L	US EPA Method (3510C + 3620C + 8270D)	<0.001					0.00243
31	*Tổng hoạt độ phóng xạ α/Gross α activity*	Bq/L	SMEWW 7110B:2017	0.022					0.1
32	*Tổng hoạt độ phóng xạ β/Gross β activity*	Bq/L	SMEWW 7110B:2017	0.203					1
33	Tổng Coliform/ Total coliform**	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2 : 2020	$1.5x10^4$					10^9

Lưu ý/ ***Remarks:*** Mẫu được bảo quản theo đúng yêu cầu trước khi nhận mẫu tại phòng thí nghiệm/ *The sample was stored in proper conditions before being received in laboratory*

*: Chỉ tiêu được kiểm tra tại hiện trường/ *Checked at site by requester,*
**: Chỉ tiêu được công nhận bởi VIMCERTS nhưng chưa được công nhận bởi VILAS-BoA/ *Parameters have been accredited by VIMCERTS and haven't been accredited by VILAS-BoA.*

Các chỉ tiêu in nghiêng được phân tích bởi nhà thầu phụ IET (23, 29, 30, 31, 32)/ *Italic Parameters were analyzed by subcontractor IET (23, 29, 30, 31, 32)*

Tổng giám đốc/ *General Director*

Đại diện nhóm phân tích/ *Analyzed by:* Ngô Thị Nhung
Phê duyệt/ *Approved by:* Trương Thị Miền

HISATO TAKEDA
TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ VỚI MẪU THỬ NGHIỆM, KHÔNG ĐƯỢC TRÍCH SAO MỘT PHẦN KẾT QUẢ NÀY NẾU KHÔNG ĐƯỢC SỰ ĐỒNG Ý CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM CÔNG TY TNHH GOSHU KOHSAN (VIỆT NAM).
REPORT RESULT IS ONLY THE SAMPLE SUBMITTED FOR ANALYSIS, COPY RESULT IS PROHIBITED UNLESS WRITTEN PERMISSION IS OBTAINED FROM THE LABORATORY OF GOSHU KOHSAN (VIETNAM) CO., LTD.